

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2020/DS-PT

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp
hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 385/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Đ, sinh năm 1937, cư trú tại số 26A ngách 109/2 phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972, cư trú tại số 15 Đường số 7, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 21-8-2019).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1983, cư trú tại ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1993, cư trú tại ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy ủy quyền ngày 29-5-2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1980, cư trú tại ấp Vĩ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Thê N, sinh năm 1993, cư trú tại ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy ủy quyền ngày 29-5-2020).

2. Ông Đặng Ngọc Đ1, sinh năm 1974, cư trú tại số nhà 2056/54 đường H, Khu phố 7, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1973, cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981, cư trú tại Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972, cư trú tại số nhà 15 Đường số 7, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 02-10-2019).

5. Ông Đặng Minh T, sinh năm 1975, cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Hữu P – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(Bà H, ông D, ông N, ông T1 có mặt; ông Đ1 và ông P1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-3-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn của ông Hoàng Đ do bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện trình bày:

Thửa đất 814, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Đông An, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông Đ là chủ sử dụng. Ông Đ có ý định bán đất nên nhờ bà Nguyễn Thị Thanh T là con riêng của vợ ông Đ, tìm người mua đất. Ông Đ giao bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BP 543596 đối với thửa đất 814, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.290m², loại đất trồng lúa cho bà T để bà T tìm người chuyển nhượng. Ngày 27-7-2018, ông Đ có nhận 30.000.000 đồng do bà T chuyển vào tài khoản của ông Đ số 711A3370940 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Ngân hàng Viettinbank. Bà T nói là tiền nhận cọc của người ta chứ lúc này ông Đ không biết bà T nhận cọc của ai. Đến ngày 20-11-2018, ông D đến nhà ông Đ kêu ông Đ ký tên vào giấy đặt cọc có nội dung đồng ý sang nhượng cho ông Phạm Văn D thửa đất lúa 814 diện tích 3.000m², giá chuyển nhượng 210.000.000 đồng, và bên mua có đưa trước 30.000.000 đồng là số tiền bà T đã chuyển khoản cho ông, ông Đ không có nhận bất kỳ khoản tiền nào của ông D. Sau đó, ông Đ có đến phòng công chứng, phòng tài nguyên môi trường hỏi thủ tục có bán được 3.000m² không thì những người này đều trả lời không chuyển nhượng được với lý do không tách thửa

được do diện tích còn lại 290m² dưới mức qui định, ông Đ có thông báo cho phía ông D biết thì ông D yêu cầu bán 2.000m², ông Đ không đồng ý. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án hủy giao dịch mua bán đất theo Giấy đặt cọc ngày 20-11-2018, yêu cầu ông D trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 543596 ngày 26-7-2013, số tiền 30.000.000 đồng bà T chuyển khoản ông đồng ý trả cho bà T. Tại phiên tòa ông P xác nhận giữ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ nên yêu cầu ông P trả lại.

Bị đơn ông Phạm Văn D do ông Nguyễn Thế N đại diện trình bày:

Ông D và ông P là anh em ruột. Ngày 20-11-2018, ông P có đưa cho ông D 30.000.000 đồng nhờ ông D ký hợp đồng đặt cọc với ông Đ để nhận chuyển nhượng thửa đất 814, hợp đồng mẫu đánh máy sẵn nội dung do ông Đ viết nội dung vào. Sau khi ký hợp đồng, ông có giao cho ông Đ 30.000.000 đồng tiền cọc, không có làm giấy nhận tiền riêng mà thể hiện trong hợp đồng. Do ông chỉ thực hiện công việc đặt cọc giùm ông P nên việc thực hiện hợp đồng như thế nào thì giữa ông Đ và ông P thực hiện ông không biết. Hiện nay ông P đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ thửa đất 814, ông Đ yêu hủy giao dịch mua bán đất, ông D đồng ý, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D không có giữ. Ông D không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Hữu P ông Nguyễn Thế N đại diện trình bày:

Thông qua ông Đặng Minh T1, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đặng Ngọc Đ1, ông P nhận chuyển nhượng thửa đất 814 diện tích 3.000m² của ông Đ, ông P giao dịch trực tiếp với bà T và ông Đ1. Sau đó bà T có đưa điện thoại cho ông P nói chuyện với ông Đ, hai bên thống nhất giá chuyển nhượng là 340.000.000 đồng. Ngày 26-7-2018, ông P làm hợp đồng đặt cọc với ông Đ1, giao 50.000.000 đồng. Ngày 25-8-2018, bà T và ông Đ1 đưa sổ đỏ và yêu cầu tạm ứng thêm tiền cọc 30 triệu đồng. Hai bên làm Giấy đặt cọc ngày 25-8-2018, ghi tiền cọc là 80 triệu (tính tổng 02 lần cọc). Thỏa thuận ngày 26-9-2018 sẽ giao đủ số tiền còn lại là 260.000.000 đồng. Ngày 07-9-2018 tiếp tục giao tiếp 20.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền cọc mà ông P giao ông Đ1 bà T là 100.000.000 đồng. Ngày 20-11-2018, ông Đ từ Hà Nội vào để ký hợp đồng thì ông có đưa cho ông D 30.000.000 đồng nhờ ký hợp đồng với ông Đ. Nay ông Đ yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng với ông D thì ông P đồng ý. Do ông Đ không đồng ý chuyển nhượng đất nên yêu cầu ông Đ trả cọc 30.000.000 đồng nhận 20-11-2018 và chịu phạt cọc là 30.000.000 đồng. Số tiền đặt cọc cho ông Đ1 và bà T 100.000.000 đồng thì yêu cầu ông Đ1, bà T và ông Đ liên đới trả lại và phải chịu phạt cọc gấp đôi là 100.000.000 đồng.

- Ông Đặng Ngọc Đ1 trình bày:

Ông Đ có kêu tôi và bà T tìm người để chuyển nhượng thửa đất 814. Ông P, ông D và ông T1 là cò đất, nên tôi và bà T kêu bán thì ông P đại diện đứng tên ký hợp đồng, đặt cọc tổng cộng 100.000.000 đồng vào các ngày như ông P trình bày, thỏa thuận giá chuyển nhượng 340.000.000 đồng. Tôi và bà T nói với

ông Đ là bán 210.000.000 đồng, phần chênh lệch thì chúng tôi hưởng. Sau đó, khi ông Đ từ Hà Nội vào, các bên ký giấy đặt cọc thì tôi không biết. Nay ông P yêu cầu tôi liên đới cùng bà T, ông Đ trả tiền cọc 100.000.000 đồng thì tôi đồng ý, còn phạt cọc không đồng ý.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T do bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện trình bày:

Ông Đ có nói bà T và ông Đ1 tìm người chuyển nhượng thửa đất 814 của ông Đ nên bà T tìm gặp ông T1 và thỏa thuận chuyển nhượng. Ngày 26-7-2018, bà T có nhận của ông T1 50.000.000 đồng nhưng làm giấy đặt cọc với ông P, sau khi nhận, bà T chuyển vào tài khoản của ông Đ 30.000.000 đồng và có thông báo cho ông Đ biết đó là tiền nhận cọc bán đất. Đến ngày 25-8-2018, bà T và ông Đ1 nhận 30.000.000 đồng, ngày 7-9-2018 nhận 20.000.000 đồng của ông P, tổng cộng nhận 100.000.000 đồng, nay bà T đồng ý cùng ông Đ1 trả cho ông P. Còn yêu cầu liên đới chịu phạt cọc bà T không đồng ý. Về số tiền 30.000.000 đồng, bà chuyển cho ông Đ thì ông Đ sẽ trả lại bà, không yêu cầu trong vụ án này.

- Ông Đặng Minh T1 trình bày:

Ông là người môi giới cho ông P và ông D mua thửa đất 814 của ông Hoàng Đ, thông qua bà T và ông Đ1, ông có ký tên chứng kiến hợp đồng đặt cọc giữa ông D và ông Đ, ông không có giao tiền cho bà T, vì ông chỉ là người môi giới để hưởng hoa hồng và nhận làm thủ tục chuyển nhượng. Hiện nay ông đã giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ cho ông P giữ.

- Ông Nguyễn Thanh P1 trình bày:

Sau khi ông Đ và ông D ký kết hợp đồng đặt cọc thì ông P chuyển nhượng lại cho ông nên ông P có giao giấy đỏ cho ông, hiện tại ông đã trả cho ông P và không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 328 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Đ khởi kiện ông Nguyễn Văn D, hủy bỏ giao dịch mua bán đất giữa ông Hoàng Đ với ông Nguyễn Văn D theo Giấy đặt cọc ngày 20-11-2018.

Buộc ông Nguyễn Hữu P trả lại cho ông Hoàng Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 543596, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00199 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 26-7-2013.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hữu P khởi kiện ông Hoàng Đ, ông Đặng Ngọc Đ1 và bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Hoàng Đ hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu P số tiền 30.000.000 đồng tiền cọc.

Bác yêu cầu ông Nguyễn Hữu P yêu cầu ông Hoàng Đ phải chịu phạt cọc là 30.000.000 đồng.

Buộc ông Đặng Ngọc Đ1 và bà Nguyễn Thị Thanh T hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu P số tiền 100.000.000 đồng.

Hủy bỏ các giấy đặt cọc giữa ông Nguyễn Hữu P với ông Đặng Ngọc Đ1 vào ngày 26-7-2018 và ngày 25-8-2018.

Bác yêu cầu ông P yêu cầu ông Đ liên đới cùng với ông Đ1 và bà T trả số tiền 100.000.000 đồng.

Bác yêu cầu ông P yêu cầu ông Đ, bà T, ông Đ1 bồi thường phạt cọc số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17-7-2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng buộc ông Đ1, bà T, ông Đ liên đới trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng (100.000.000 đồng tiền cọc, 100.000.000 đồng phạt cọc) và ông Đ trả cho ông 30.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Đ, bà T do bà H đại diện trình bày:

Ông Đ và bà T không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông P với các lý do sau: Ý chí của ông Đ chỉ đồng ý chuyển nhượng 3.000m² đất được thể hiện tại giấy đặt cọc ngày 20-11-2018, vì phần đất còn lại có ngôi nhà tình nghĩa của ông Đ. Ông Đ chỉ nhờ bà T tìm người mua đất để ông Đ ký kết hợp đồng đặt cọc. Ông Đ nhận cọc 30.000.000 đồng do bà T chuyển khoản là trước đây 04 tháng chứ không phải từ giấy đặt cọc ngày 25-8-2018. Ông Đ không có ủy quyền cho ông Đ1 và bà T ký hợp đồng đặt cọc. Bà T, ông Đ1 không phải là chủ sử dụng đất đối với thửa 814.

Ông P do ông N đại diện trình bày:

Giấy đặt cọc ngày 25-8-2018, ông Đ đã ủy quyền cho bà T, ông Đ1 ký hợp đồng đặt cọc, tổng số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và bà T đã chuyển cho ông Đ 30.000.000 đồng; giấy đặt cọc ngày 20-11-2018, ông Đ đã nhận cọc 30.000.000 đồng, bản án sơ thẩm cho rằng không thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do khách quan là không thỏa đáng vì ông Đ có ý chí chuyển nhượng toàn thửa đất và sau đó ông P cũng đồng ý nhận chuyển nhượng 2.000m² nhưng ông Đ cũng không đồng ý nên ông Đ phải chịu phạt cọc 30.000.000 đồng và ông Đ, ông

Đ1, bà T phải liên đới trả ông P 100.000.000 đồng tiền cọc và 100.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Về việc bà H đại diện cho ông Đ và bà T trong khi ông Đ và bà T có quyền lợi đối lập, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Ông T1 trình bày: Ông Đ có nhận 30.000.000 đồng và ông Đ đã nhận thêm một lần tiền nữa nên đây không phải là hợp đồng đặt cọc mà là chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay ông Đ không đồng ý chuyển nhượng là do giá đất cao, do đó ông Đ phải chịu phạt cọc.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà H đại diện cho ông Đ và bà T trong khi ông Đ và bà T có quyền lợi đối lập theo quy định tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giấy đặt cọc ngày 25-8-2018, bên ông P cho rằng ông Đ có ủy quyền cho ông Đ1, bà T ký hợp đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Giấy đặt cọc ngày 20-11-2018 hai bên thỏa thuận chuyển quyền 3.000m² là không đủ điều kiện để tách thửa nên vô hiệu. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc Đ1 và ông Nguyễn Thanh P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Thửa đất 814, diện tích 3.290m², loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Đông An, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, ông Đ được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BP 543596 ngày 26-7-2013.

[3] Tại “Hợp đồng đặt cọc” ngày 26-7-2018 có nội dung: Ông Đặng Ngọc Đ1 đồng ý sang nhượng cho ông Phạm Hữu P thửa đất số 814, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Đông An, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, với giá 340.000.000 đồng; ông P đặt cọc 50.000.000 đồng, nếu không bán sẽ đền tiền cọc gấp 02 lần, nếu thay đổi không mua thì số tiền đặt cọc sẽ mất.

[4] Tại “Giấy đặt cọc” ngày 25-8-2018 có nội dung: Ông Đặng Ngọc Đ1 đồng ý sang nhượng cho ông Phạm Hữu P thửa đất số 814, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Đông An, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, diện tích khoảng 3.290m²; giá 340.000.000 đồng bên mua đưa trước 80.000.000 đồng, nếu thay đổi không bán

sẽ đền tiền cọc gấp 03 lần tức là 240.000.000 đồng, nếu thay đổi không mua thì số tiền đặt cọc sẽ mất. Đến ngày 07-9-2018, ông Đ1 và bà Nguyễn Ngọc T nhận thêm 20.000.000 đồng từ ông P.

[5] Tại “Giấy đặt cọc” ngày 20-11-2018 có nội dung: Ông Hoàng Đ đồng ý sang nhượng cho ông Phạm Văn D thửa đất số 814, tọa lạc tại ấp Đông An, xã Phước Vĩnh Đông, diện tích khoảng 3.000m², giá 210.000.000 đồng, bên mua đưa trước 30.000.000 đồng, nếu thay đổi không bán sẽ đền tiền cọc gấp 03 lần, nếu thay đổi không mua thì số tiền đặt cọc sẽ mất. Nhưng bên ông D không ký vào trang này mà ghi thêm phần ghi chú có nội dung không phải hợp đồng đặt cọc mà là hợp đồng chuyển nhượng.

[6] Thấy rằng, bên ông P cho rằng, ông Đ có ủy quyền cho ông Đ1, bà T ký kết hợp đồng đặt cọc để chuyển quyền toàn bộ thửa đất số 814 nên yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng buộc ông Đ1, bà T, ông Đ liên đới trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng tiền cọc, 100.000.000 đồng phạt cọc) và ông Đ trả cho ông 30.000.000 đồng tiền phạt cọc; còn ông Đ do bà H đại diện cho rằng ông Đ chỉ nhờ bà T tìm người mua đất, không có ủy quyền cho ông Đ1 bà T ký hợp đồng đặt cọc, ông Đ chỉ đồng ý chuyển nhượng một phần thửa 814 với diện tích 3.000m², giá 210.000.000 đồng vì phần đất còn lại có ngôi nhà tình nghĩa của ông Đ nhưng tại “Hợp đồng đặt cọc” ngày 26-7-2018 và tại “Giấy đặt cọc” ngày 25-8-2018 ông Đ1, bà T ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng nguyên thửa 814 với giá 340.000.000 đồng. Như vậy, giữa ông Đ với ông Đ1 bà T không thống nhất về diện tích đất chuyển nhượng và giá chuyển nhượng, Tòa án cũng chưa thu thập bản khai của bà T để làm rõ việc ký kết các hợp đồng đặt cọc có được ông Đ ủy quyền hay không nhưng ông Đ và bà T đều có người đại diện theo ủy quyền là bà H.

[7] Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, ngày 25-9-2020 bà H cung cấp văn bản chấm D đại diện theo ủy quyền cho bà T nhưng do bà H đại diện cho ông Đ và bà T đã tham gia tố tụng theo trình tự sơ thẩm trong khi quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ và bà T đối lập là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 87 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Ngoài ra, tại các biên bản của Tòa án cấp sơ thẩm tuy có tiêu đề “Biên bản làm việc” ngày 17-4-2019, ngày 29-5-2020, và ngày 11-6-2020 nhưng thực chất là biên bản lấy lời khai của các đương sự, đều có thể hiện nội dung “*Lập biên bản lấy lời khai...*” có hỏi, đáp đối với ông Đặng Ngọc Đ1, ông Phạm Văn D và ông Hoàng Đ về những tình tiết liên quan đến vụ án. Như vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ nhưng không đưa Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là vi phạm tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[9] Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[10] Về số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do hủy bản án sơ thẩm nên ông P kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Hữu P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Phạm Hữu P theo biên lai số 0002532 ngày 23-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu